

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 01-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng giao khoán
thi công xây dựng công trình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai;
- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 315/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Phan Thị Q, sinh năm 1950;
- Ông Hồ Thành C, sinh năm 1974;
- Ông Hồ Sông C1, sinh năm 1987;
- Ông Hồ Giang C2, sinh năm 1987;

Cùng cư trú: Tổ 03, ấp H, thị trấn A, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Ông Hồ Hồng C4, sinh năm 1976;

Cư trú: Ấp V, xã L, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị Minh C3, sinh năm 1979;

Cư trú: Tổ 10, ấp B, xã H1, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị A, sinh năm 1982;

Cư trú: ấp Đ, xã Th, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Ông Hồ Sang C6, sinh năm 1984;

Cư trú: Tổ 03, ấp H, thị trấn A, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Q, ông Thành C, ông Sông C1, ông Giang C2, ông Hồng C4, bà Minh C3, bà A là: ông Hồ Sang C6, sinh năm 1984.

2. Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng P;

Trụ sở: số 2.I.2 đường Nguyễn T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải S, chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc;

Địa chỉ liên lạc: số 2.I.2 đường Nguyễn T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Hồ Sang C6 có mặt, ông Nguyễn Hải S và Công ty TNHH xây dựng P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, ông Hồ Sang C6 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa Công ty TNHH xây dựng P (viết tắt là Công ty P) và ông Hồ Kỳ Ph (là chồng của bà Phan Thị Q và là cha của các ông bà Hồ Thành C, Hồ Sông C1, Hồ Giang C2, Hồ Hồng C4, Hồ Thị Minh C3, Hồ Thị A, Hồ Sang C6) có ký kết Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình thuộc hạng mục 04 phòng học trường Mẫu giáo Họa Mi (điểm chính), hạ tầng kỹ thuật trường Mẫu giáo Họa Mi (điểm chính), địa điểm xây dựng tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo các hợp đồng gồm: Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 31/HĐNC ngày 12 tháng 12 năm 2018, Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 02/HĐNC.2019 ngày 19 tháng 02 năm 2019, Phụ kiện hợp đồng số 02a/HĐNC.2019 ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Theo các hợp đồng trên thì ông Hồ Kỳ Ph đã tiến hành thuê người tạo thành Đội thi công để thi công công trình bắt đầu từ ngày 12 tháng 12 năm 2018, thời gian thi công là 150 ngày kể cả ngày chủ nhật, nếu ông Ph vi phạm làm trễ hợp đồng sẽ chịu phạt 500.000 đồng/ngày. Công ty P cung cấp vật tư trễ phải trả chi phí cho đội thi công là 300.000 đồng/ngày. Nếu bên nào đơn phương hủy bỏ hợp đồng không lý do sẽ bị phạt 5% tổng giá trị nhân công 1.050.000.000 đồng.

Thực hiện các hợp đồng, phụ lục hợp đồng trên, ông Hồ Kỳ Ph đã hoàn thành các khối lượng công việc theo như thỏa thuận. Đến ngày 07 tháng 9 năm 2019 thì ông Ph và công ty P tiến hành thanh lý hợp đồng. Theo các nội dung thanh lý hợp đồng gồm:

- Biên bản thanh lý ngày 07 tháng 09 năm 2019 kèm Bảng khối lượng hoàn thành, Biên bản đối với hạng mục phòng học;
- Biên bản thanh lý ngày 07 tháng 09 năm 2019 đối với hạng mục hạ tầng kỹ thuật;
- Biên bản thanh lý ngày 01 tháng 9 năm 2019 đối với hạng mục hạ tầng kỹ thuật;
- Bảng kê tiền ngoài hợp đồng chú 5 Phủ ngày 07 tháng 09 năm 2019;

Tổng cộng số tiền Công ty P còn nợ lại ông Ph chưa thanh toán là 221.724.000 đồng.

Trong Bảng kê tiền ngoài hợp đồng chú 5 Phủ thì thực chất đây là các khoản để trả cho nhân công làm thêm các hạng mục trang trí trong khuôn viên trường mẫu giáo Hòa Mi, thực hiện bơm cát nền để đổ sàn tầng trệt theo hợp đồng vẫn còn thấp nên phải mua thêm cây chống hỗ trợ. Tiền lãi ghi trong bảng kê là tiền lãi phát sinh do ông Ph phải mượn tiền để trả tiền nhân công (tạm ứng trước) thay cho Công ty P. Các khoản tiền này vẫn phát sinh từ việc thực hiện xây dựng công trình trường mẫu giáo Hòa Mi mà các bên đã thỏa thuận. Ông Nguyễn Hải S là người đại diện cho Công ty P đều có ký nhận vào các biên bản, bảng kê để xác định số tiền Công ty P còn nợ lại ông Ph. Trên các hợp đồng, phụ lục hợp đồng có ghi tên “Hồ Kỳ Ph” là do đánh máy sai lỗi chính tả, tên đúng là “Hồ Kỳ Ph”, thể hiện qua phần ký tên cuối hợp đồng, phụ lục hợp đồng đều ghi rõ Bên B là Hồ Kỳ Ph.

Ông Ph đứng ra ký kết hợp đồng với Công ty P là với tư cách cá nhân ông Ph. Sau khi ký kết hợp đồng thì ông Ph mới tiến hành thuê nhân công, thuê thợ tạo thành một đội đi thi công công trình. Toàn bộ ông Ph phải chịu trách nhiệm cá nhân của ông Ph, nên số tiền nợ 221.724.000 đồng là số tiền Công ty P nợ cá nhân ông Ph.

Sau khi ký các biên bản thanh lý hợp đồng, ông Ph đã nhiều lần yêu cầu Công ty P trả nợ nhưng Công ty P cố tình không trả. Đến ngày 15 tháng 6 năm 2022, ông Ph chết, trước khi chết ông Ph đã có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty P trả số tiền nợ nói trên. Nay ông Ph đã chết thì bà Q và các con của ông Ph là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ph, đứng ra khởi kiện tiếp tục yêu cầu Công ty P trả số tiền 221.724.000 đồng, và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07 tháng 9 năm 2019 cho đến ngày Tòa án tuyên án. Các nguyên đơn cam đoan hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Kỳ Ph gồm: bà Phan Thị Q (vợ ông Ph) và các con của ông Ph gồm: Hồ Thành C, Hồ Hồng C4, Hồ Thị Minh C3, Hồ Thị A, Hồ Sông C1, Hồ Giang C2, Hồ Sang C6; ngoài ra không còn có người nào khác thuộc hàng thừa kế của ông Ph.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng P: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông Hồ Sang C6 đại diện cho các nguyên đơn trình bày: các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Công ty TNHH xây dựng P: không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: nguyên đơn căn cứ vào các Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng; Bảng cấp phát khối lượng nhân công; Phụ kiện hợp đồng; Thông báo về việc tiền bảo hành; Biên bản thanh lý kèm Bảng khối lượng hoàn thành; Biên bản đối với hạng mục hạ tầng kỹ thuật; Bảng kê tiền ngoài hợp đồng chú 5 Phụ; để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 221.724.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 07 tháng 9 năm 2019 cho đến ngày xét xử. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ. Do đó, căn cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên đã ký kết hợp đồng giao khoán, giao dịch được xác lập trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực. Nguyên đơn căn cứ vào các biên bản nêu trên thể hiện bị đơn còn nợ số tiền 221.724.000 đồng để khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 275, 276, 280, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ vốn và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ sau khi thực hiện hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình. Bị đơn có trụ sở, nơi đăng ký kinh doanh tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa Công ty P và ông Hồ Kỷ Ph có ký kết Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình thuộc hạng mục 04 phòng học trường Mẫu giáo Hòa Mi (điểm chính), hạ tầng kỹ thuật trường Mẫu giáo Hòa Mi (điểm chính), địa điểm xây dựng tại thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo các hợp đồng gồm: Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 31/HĐNC ngày 12 tháng 12 năm 2018, Bảng cấp phát khối lượng nhân công ngày 12 tháng 12 năm 2018, Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 02/HĐNC.2019 ngày 19 tháng 02 năm 2019, Phụ kiện hợp đồng số 02a/HĐNC.2019 ngày 12 tháng 7 năm 2019. Ông Hồ Kỷ Ph đã thực hiện đầy đủ các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, công trình xây dựng đã hoàn thành, nhưng Công ty P lại không thanh toán đầy đủ số tiền thực hiện hợp đồng cho ông Ph. Vì vậy ông Ph đã khởi kiện yêu cầu Công ty P phải trả số tiền còn nợ. Ông Ph đã chết trước khi Tòa án thụ lý vụ án, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ph tiếp tục khởi kiện và giữ nguyên ý kiến yêu cầu của ông Ph về việc yêu cầu Công ty P trả số tiền còn nợ và lãi phát sinh. Về phía Công ty P, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Công ty P đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với các hợp đồng, phụ lục hợp đồng, các biên bản thanh lý và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, không có ý kiến phản bác đối với số tiền còn nợ lại, yêu cầu về việc trả lãi.

[3.2] Xét thấy: giao dịch giao khoán thi công xây dựng công trình giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp, có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi ông Ph hoàn thành việc xây dựng công trình như các nội dung đã thỏa thuận thì Công ty P lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ. Xét thấy: Biên bản thanh lý ngày 07 tháng 09 năm 2019 kèm Bảng khối lượng hoàn thành, Biên bản đối với hạng mục phòng học; Biên bản thanh lý ngày 07 tháng 09 năm 2019 đối với hạng mục hạ tầng kỹ thuật; Biên bản thanh lý ngày 01 tháng 9 năm 2019 đối với hạng mục hạ tầng kỹ thuật; Bảng kê tiền ngoài hợp đồng chú 5 Phủ ngày 07 tháng 09 năm 2019 đều có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty P là ông Nguyễn Hải S và đóng dấu của Công ty với tổng cộng số tiền Công ty P còn nợ lại ông Ph, chưa thanh toán là 221.724.000 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết,

Công ty P đều không cung cấp ý kiến hoặc tài liệu chứng cứ phản bác về việc giao kết và thực hiện hợp đồng, số tiền còn nợ, về yêu cầu tính lãi. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty P phải trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi chậm thanh toán:

[3.3.1] Theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà các bên ký kết thì các bên không có thỏa thuận về lãi suất, không có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2019 Công ty P đã vi phạm hợp đồng khi không thực hiện trả tiền nhân công, vật liệu để ông Ph buộc phải thông báo yêu cầu Công ty đến làm việc. Đến ngày 07 tháng 9 năm 2019, các bên ký kết các biên bản thanh lý hợp đồng, bảng kê tiền ngoài hợp đồng. Sau đó, thì ông Ph vẫn liên tục yêu cầu Công ty P phải trả nợ cho mình nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, yêu cầu của các nguyên đơn về việc phải trả lãi chậm thanh toán từ ngày 07 tháng 9 năm 2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 01 tháng 3 năm 2023) là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3.2] Như vậy, Công ty P phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

$221.724.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1.271 \text{ ngày} = 77.208.549 \text{ đồng}.$

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty P phải trả cho các nguyên đơn số tiền 298.932.549 đồng bao gồm 221.724.000 đồng tiền nợ gốc và 77.208.549 đồng tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm).

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Công ty P phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 113, 140, 144, 147 của Luật xây dựng;
- Các Điều 275, 276, 280, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Phan Thị Q, Hồ Thành C, Hồ Sông C1, Hồ Giang C2, Hồ Hồng C4, Hồ Thị Minh C3, Hồ Thị A, Hồ Sang C6 đối với Công ty TNHH xây dựng P;

Buộc Công ty TNHH xây dựng P có nghĩa vụ trả cho các ông bà Phan Thị Q, Hồ Thành C, Hồ Sông C1, Hồ Giang C2, Hồ Hồng C4, Hồ Thị Minh C3, Hồ Thị A, Hồ Sang C6 số tiền 298.932.549 (hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng) trong đó tiền nợ gốc là 221.724.000 đồng (hai trăm hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và tiền lãi là 77.208.549 (bảy mươi bảy triệu hai trăm linh tám nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH xây dựng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.947.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Bà Phan Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Các ông bà Hồ Thành C, Hồ Sông C1, Hồ Giang C2, Hồ Hồng C4, Hồ Thị Minh C3, Hồ Thị A, Hồ Sang C6 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.543.000 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000791 ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hoàng Mai

Huỳnh Thị Thúy Hoa

Nguyễn Thùy Giang